

Số: **91/2018/QĐST-HNGĐ**

Nhon Trạch, ngày 07 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình sơ thẩm;

Xét thấy: Ngày 07/6/2018, nguyên đơn chị Lê Thị T nộp Đơn xin rút đơn khởi kiện, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 101/2018/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc “Ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh **Hồ Văn T**, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án.

- Về án phí: Trả lại cho chị Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 6.550.000đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 007879 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Nguyên Vũ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

